

Số: 47 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTr ngày 16/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 16/3/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702013478 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/5/2021.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ bất động sản và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- Điện thoại giao dịch: 02742221109 Fax: 02742221112.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: tầng trệt tòa nhà Sora Gardens 1, lô C18, Đại lộ Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản giao dịch số 6501 0000 659312 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 263 người.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy trình tuyển dụng lao động. Khi có kế hoạch tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp và qua các doanh nghiệp dịch vụ. Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp tuyển mới 89 lao động.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Doanh nghiệp không xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng sổ quản lý người lao động.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người.

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 262 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 262 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 112 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 150 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động ghi chưa ghi cụ thể theo quy định: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “tùy theo yêu cầu công việc và chính sách của Bên A”.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 113 người, trong đó: đã trả trợ cấp thôi việc cho 2/2 người đủ điều kiện hưởng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/năm lồng ghép với hội nghị người lao động.

- Đã ký kết thoả ước lao động tập thể ngày 18/8/2020 với thời hạn 03 năm. Hồ sơ TULĐTT không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Đã thực hiện theo nội dung TULĐTT đã ký kết.
- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân: mức thấp nhất là 5.500.000 đồng/người/tháng; mức cao nhất là 235.000.000 đồng/người/tháng; mức bình quân là 19.874.000 đồng/người/tháng.
- Phương pháp trả lương: doanh nghiệp thực hiện trả lương qua tài khoản, chi phí liên quan đến mở tài khoản, chuyển tiền lương do doanh nghiệp chi trả.
- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ.
- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm.
- Đã chi trả tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Doanh nghiệp chi trả tiền ăn ca cho người lao động với mức: 800.000 đồng/người/tháng.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 8 giờ/ ngày, 48 giờ/tuần.
- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi:
 - + Nghỉ trong giờ làm việc 1 giờ đối với người lao động làm việc theo giờ hành chính;
 - + Nghỉ giữa ca: 30 phút đối với người lao động làm việc theo ca vào ban ngày; 45 phút đối với người lao động làm việc theo ca vào ban đêm.
- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hàng năm: không quá 4 giờ/ngày làm việc bình thường, không quá 10 giờ/ngày nghỉ, ngày lễ; không quá 40 giờ/ tháng; không quá 200 giờ/năm.
- Doanh nghiệp thực hiện ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Người lao động làm công việc bình thường làm đủ 12 tháng được nghỉ 12 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 1 ngày. Người chưa làm đủ 12 tháng thì được nghỉ tương ứng với số tháng làm việc cứ 1 tháng được nghỉ 1 ngày.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: đã quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng Giám Công ty.
- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 152 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:
 - + Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, giảm giờ làm 60 phút/ngày; lao động nữ trong thời gian hành kinh nghỉ 30 phút/ngày hưởng nguyên lương.
 - + Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

- Số lao động là người nước ngoài đang làm việc tại doanh nghiệp: 08 người, trong đó 01 lao động không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép lao động (kết hôn với người Việt Nam và sinh sống tại Việt Nam).
- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động: 07 người.

- Số đã được cấp giấy phép và còn thời hạn: 07 người.

- Số lao động chưa được cấp giấy phép lao động: không.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Số lao động là người khuyết tật: 0 người.
- Số người lao động cao tuổi: 04 người (01 người Việt Nam đang tham gia BHXH, 03 người lao động nước ngoài).
- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi: người lao động cao tuổi không yêu cầu rút ngắn thời giờ làm việc.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần cho người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có tranh chấp, khiếu nại về lao động và không xảy ra đình công.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 29 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Doanh nghiệp không thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động do không thuộc trường hợp phải thành lập.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 02 cán bộ bán chuyên trách.

- Doanh nghiệp ký hợp đồng với cơ sở khám, chữa bệnh để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Doanh nghiệp đang sử dụng 06 thiết bị (06 thang máy có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp. Người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện (17 người), thẻ an toàn lao động (29 người). Tuy nhiên, hồ sơ huấn luyện không lưu chương trình huấn luyện chi tiết, tài liệu huấn luyện, bản sao giấy tờ chứng minh đủ điều kiện của người huấn luyện theo quy định.

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động: doanh nghiệp đã cấp phát cho người lao động theo quy định.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm. Số mẫu đã đo: 33 mẫu, trong đó: số mẫu đạt tiêu chuẩn: 33; số mẫu không đạt tiêu chuẩn: 0.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho người lao động; đã khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ, khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần cho người lao động cao tuổi.

- Khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong điều kiện làm việc có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp: không phát sinh.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 263 người. Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 263 người, trong đó:

| Đối tượng | Số lượng (người) | Mã đơn vị |
|---|-----------------------------|------------------|
| BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN người Việt Nam | 255 | YN0051A |
| BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN người nước ngoài | 05 | IC0063A |
| BHYT cho người nước ngoài cao tuổi | 03 | BW0035A |

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, các phụ cấp trách nhiệm, độc hại, khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH hàng tháng: 1.119.264.500 đồng cho lao động Việt Nam và 47.382.000 đồng cho lao động nước ngoài.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Thực hiện tuyển dụng trực tiếp; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động đang làm việc tại doanh nghiệp.

1.4. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở.

1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động;

trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 800.000 đồng/người/tháng.

1.6. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.7. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.8. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động; quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

1.9. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.10. Doanh nghiệp sử dụng 08 lao động là người nước ngoài, trong đó 07/07 lao động thuộc đối tượng phải cấp giấy phép lao động đã được cấp giấy phép lao động và còn thời hạn.

1.11. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần đối với lao động là người cao tuổi.

1.12. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.13. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, phụ cấp, khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNĐ đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên, cụ thể mục trang bị bảo hộ lao động ghi "tùy theo yêu cầu công việc và chính sách của Bên A" là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 và Chương II Thông tư số

10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ TULĐTT của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động và không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Hồ sơ huấn luyện không lưu chương trình huấn luyện chi tiết, tài liệu huấn luyện, bản sao giấy tờ chứng minh đủ điều kiện của người huấn luyện là không đúng quy định tại Khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.2 và 2.6 khi có phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. /s/

Nơi nhận: /s/

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng